**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN -LỚP 8-ĐỀ SỐ 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **ĐA THỨC****(13 tiết)** | *Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến* | **Nhận biết** – Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến.**Vận dụng**– Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức.– Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản. | **2 (TN)** |  | **1 (TL)** |  |
| 2 | **HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG****(14 tiết)** | *Hằng đẳng thức đáng nhớ.* | **Nhận biết** – Nhận biết được các khái niệm : Đồng nhất thức, hằng đẳng thức. -Mô tả được các hằng đẳng thức: Bình phương của một tổng và hiệu, hiệu hai bình phương, lập phương của tổng và hiệu, tổng và hiệu hai lập phương.**Thông hiểu**– Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung.**Vận dụng**– Vận dụng được các hằng đẳng thức để tìm giá trị lớn nhất. | **4 (TN)** | **2/3(TL)** |  | **1/3(TL)** |
| 3 | **TỨ GIÁC****(14 tiết)** | *Tứ giác.* | **Nhận biết** – Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360o | **2 (TN)** | **1(TL)** |  |  |
| *Tính chất và dấu hiệu nhận biết các Tứ giác đặc biệt.* | **Nhận biết** – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật). **Thông hiểu**– Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành. |
| 4 | **Định lí Thalès****(10 tiết)** | *Định lí Thalès trong tam giác.* | **Nhận biết** **- Nhận biết được** tỉ số của hai đoạn thẳng .- Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác. **Vận dụng**– Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès, T/C đường trung bình của tam giác (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). | **2 (TN)** |  | **1/2(TL)** | **1/2 (TL)** |
| 5 | **DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ****( 8 Tiết )** | *Thu thập, pân loại, tổ chức dữ liệu theo các tiêu chí cho trước* | **Nhận biết**– Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, *Internet*; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...).  | **1 (TN)** |  |  |  |
| *Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ* | – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*). | **1 (TN)** |  |  |  |
| *Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có* | **Thông hiểu**– Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. |  | **1 (TL)** |  |  |
| **Tổng** |  | **12(TN)** | **8/3 (TL)** | **1,5 (TL)** | **5/6(TL)** |
| **Tỉ lệ %** |  | **30%** | **60%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **30%** | **70%** |